

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 21 A

Chương III: TẬP THIÊN

TRONG PHẦN 6 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có một vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu, thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô.
- 3/ Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu.
- 4/ Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu.
- 5/ Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu.
- 6/ Truyện ngài Thích Đạo Vượng trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu.
- 7/ Truyện ngài Thích Pháp Hiển trụ chùa Tứ Tầng ở Kinh Châu.
- 8/ Truyện ngài Thích Huyền Sảng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu (Tuệ Phổ).
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu.
- 10/ Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu.
- 11/ Truyện ngài Thích Tăng Luân trụ tại Suối Lâm lạc ở Vệ Châu.
- 12/ Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở kinh đô.
- 13/ Truyện ngài Sa-môn Thích Trí Nham ở Đôn Dương.

1- Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu:

Thích Tuệ Tường, họ Chu. Năm mười lăm tuổi xuất gia, Sư thực hành hạnh Đầu-đà đi khát thực, im lặng tự thiền tụng, chẳng đồng với chúng. Mọi người chẳng lường biết Đạo Quán Sư sâu cạn, mà Cao

chuyện độ xa ấy. Sư nghe giảng Tam luận, nghe công phu của các ngài Đề-bà, Hộ Pháp, chẳng từ đều mở mối lo ở lòng, có tâm vô cùng kính mến. Đến các trường giảng, thấy những người oai nghi không nghiêm chỉnh, Sư bảo với mọi người rằng: “Tuệ Tướng tôi sau khi thọ giới cụ túc, sẽ trụ trì tại chùa này, khiến đưa vào luật hạnh!”.

Năm mười chín tuổi, Sư bị bệnh ba tháng, chữa trị không thuyên giảm. Nửa đêm, Sư ngồi mà than rằng: “Đại trượng phu vốn hiến thân cho Đạo, ở thời mạt pháp mà hàng phục kẻ Phi pháp. Cớ sao chí ấy chưa theo, mà bị bệnh khốn khổ như vậy!”. Đến lúc trời sắp sáng, có một người thân cao hơn trượng bảo với Sư rằng: “Chỉ nên tụng Kinh Niết-bàn, chớ buồn lo không lành!”. Đến sáng sớm, Sư liền tụng đọc suốt ba ngày, liền hết bệnh. Ngày năm đó Sư tụng thuộc, cuối cùng đạt được sự trông mong. Đến khi đã tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư nghe học luật, soi xét văn lý. Sư trụ chùa Ninh Quốc, thường giảng Luật Tứ Phần và Kinh Niết-bàn. Do đó hộ pháp duy trì, chẳng tiếc thân mạng. Những người có sự khuyết trái, nhìn vào Đạo phong của Sư mà sửa đổi.

Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, đang trong mùa hạ, nhân lúc thọ trai, trong miệng có được Xá-lợi, Sư không biết nên lừa ném bỏ dưới đất, liền trở lại ở trong miệng, như vậy qua mấy phen. Sư mới nghĩ là Chân thân. Dùng chày đá đập mà vẫn không vỡ, bèn đánh chuông báo với chúng tăng biết. Mỗi tháng vào ngày rằm, ngày ba trăm, chúng đều nhóm họp, Sư rơi lệ đốt hương cầu nguyện giáng hiện oai lực. Chỉ phút chốc phát ra ánh sáng năm mẫu, có mùi hương lạ thoảng cùng khắp quách. Chúng đều trông thấy cho là ít có. Những người sống với nghề giết hại săn bắn đều đổi nghề, mới khiến trong chợ không có hàng bán thịt. Nhân đó, Sư cùng bốn chúng xây tháp chín tầng cao hơn trăm thước, đến nay vẫn hiện còn.

Mỗi ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng kể ít nhiều, ăn nhanh chẳng có ích, thể mạo Sư béo trắng, có thể cao hơn tám thước. Sư đi ngoài đường ai không biết cũng đều quái lạ kính ngưỡng. Thứ sử Lý Thăng Minh đến chùa, thấy Sư lấy làm lạ bảo với các quan rằng: “Đạo nhân này dung mạo béo phì như thế, mỗi ngày có thể ăn hết một con dê”. Nói vừa xong liền có cảm giác tay chân chẳng theo ý mình, cưỡi ngựa mất ngựa chể. Các quan nói sự thật cho Lý Thăng Minh nghe. Lý Minh Thăng bèn đến sám tạ và được bình phục trở lại. Đại Sứ Quyền Mậu đến Đẳng Châu thấy Sư lại lấy làm lạ. Lý Thăng Minh bảo rằng: “Đại đức này chẳng phải người phạm”. Và kể lại đầy đủ việc trước. Quyền Mậu không tin, xin được bảy ngày dùng thức ăn thô để thử, mà sắc da càng xinh đẹp.

Quyền Mậu phủ phục cầu xin sám hối tội không tin trước.

Đến lúc sắp tịch, trên tay Sư cầm quyển kinh, qùy thẳng mà bảo với đệ tử rằng: “Tôi sắp qua đời! Các ông khéo nên gìn giữ, chớ để đứt mất!”. Lại cầm có mùi hương lạ thoảng khắp quách. Sư thị tịch lúc đó nhằm tháng tám niên hiệu Đại Nghiệp cuối cùng (617) đời Tùy, thọ bảy mươi tuổi. Khí mạng đã dứt mà Sư vẫn qùy thẳng như lúc đầu. Mọi người khắp xa gần đua nhau kéo đến, thấy sự kỳ lạ ấy, không ai chẳng khen ngợi.

2- Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô.

Thích Đàm Luân, họ Tôn, người ở xứ Lăng Nghi thuộc Biện Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia ở chùa Tu Phước, nương tựa Thiền sư Đoan. Nhưng Thiền sư tu học theo Thứ đệ Quán, bèn răn Sư rằng: “Ông nên buộc tâm vào đầu lỗ mũi thì sẽ được tĩnh lặng.” Sư thưa: “Nếu thấy có tâm để buộc vào đầu lỗ mũi, xưa nay không thấy tướng tâm, nên không biết lấy gì để buộc”. Mọi người đều lấy làm lạ về lời nói ấy, ngợi khen Sư mới học gần mà vì sao lại tỏ ngộ xa. Nên ở trong chúng cuối thời lễ bái sám hối, Sư liền theo nhập định. Đại chúng búng ngón tay tâm thường cung kính. Sau, có lần đang mang bình bát đến trai đường, chưa tới nửa đường, tự nhiên Sư nhập định, vẫn giữ bình bát không nghiêng đổ. Thầy Sư (= Thiền sư Đoan) rất lấy làm khen ngợi. Vào lúc khác bảo với Sư rằng: “Ông học thiền tọa, trước nên thanh tịnh hôn tình, giống như bóc củ hành, mỗi lớp bóc lột hết sau đó mới được sạch”. Sư thưa: “Nếu thấy có củ hành thì mới bóc lột được, xưa nay vốn không có củ hành thì lấy gì để bóc lột?” Thầy Sư bảo: “Đây thật là rễ to cành lớn, tu chẳng bằng được, không sám sai sử nữa.”

Từ khi tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, với mọi việc tụng kinh lễ Phật, Sư đều chẳng thực hành, chỉ đóng cửa phòng không ra ngoài. Đi đứng nằm ngồi chỉ lìa niệm tâm, lấy đó làm chí. Theo thứ lớp, Sư trông coi trị tuế, giữ gìn vật của chúng tăng, Sư ước định răn khắc người nhà rằng: “Chớ có thức ăn riêng, chớ cho ăn cháo của chúng tăng”. Người nhà cho đó là việc thường, chẳng nghe theo lời Sư, con chó liền mửa ra cháo của chúng tăng cho Sư thấy, sự nín thinh chẳng nói gì cả. Sau, Sư lại bảo: “Không được đem cháo của chúng tăng cho chó ăn”. Người nhà trả lời dối rằng: “Không có cho”. Đàn chó lại kéo nhau đến trước chúng tăng mửa ra cháo cho Sư thấy. Khi đó, các hàng tăng tục đều phục sự cung kính, thận trọng của Sư. Lại có các hàng nghĩa học luận sĩ tranh cãi

đến hỏi, Sư tùy lời liền dứt trừ thắc mắc không hề quái ngại.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) xây dựng thiền thất, thỉnh Sư đến trụ ở đó. Sư lại đóng bít cửa nẻo y như trước mà thực hành hạnh nghiệp. Người đương thời đều gọi đó là “Ngọa Luận”. Có Pháp sư Sán ở chùa Hưng Thiện là bậc Luận Thủ vô học của cả ba nước. Chẳng bao lâu, quái lạ về việc Sư nằm thiền nói hỏi cao xa. Bèn vào phòng cùng ngài nói năng tham cứu đúng sai. Sư bảo: “Tùy ý cùng xét”. Bèn suốt ba ngày ba đêm đàm Đạo Pháp lạc chẳng ngủ. Sư thuật về Bát-nhã, hoa trong hư không chẳng có đáy, nước lửa không nung tựa, không chủ tể, chẳng lập Chánh tà, bản tánh thanh tịnh. Pháp sư Sán lại gieo mình sát đất, khen ngợi kính trọng Sư. Đường tâm không ngưng trệ chẳng thể suy nghĩ bàn luận mới như thế ấy. Sư ở tại kinh đô, các hàng tăng tục mời thỉnh nối nhau, mà căn cơ chẳng đồng nhất, mê ngộ có lắm hạng, tuy khéo vận dụng các phương tiện khiến họ tỉnh ngộ, nhưng mỗi người có kiến chấp riêng, thấy ta là phải, nên diệu lý ấy ít được lưu truyền rộng rãi.

Có Luật sư Huyền Uyển, Pháp Sư Tĩnh Lâm dẫn môn nhân là Tăng-già, Tịnh Đẳng qua lại thọ pháp. Chúng ấy đông như cá con. Cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiên Đường, Sư bị bệnh rất nặng. Ở bên cạnh chùa Trang Nghiêm nhìn xem lặng lẽ, có người hỏi Sư vắng sinh về xứ nào? Sư đáp: “Vô tận thế giới!” rồi trở lại lặng lẽ. Ngài Tăng-già đưa tay tìm thử xem lạnh tới đâu, riêng báo với mọi người rằng: “Lạnh đã đến đầu gối, bốn Đại chia lìa cũng nên sinh khổ.” Sư bảo: “Khổ ấy cũng không”. Có người hỏi: “Xả Báo thế nào?” Ngài đáp: “Ta làm chủ bốn Đại, chỗ đấu tranh đã đến, cong đầu gối, sau khi chết chỉ nên bó trong chiếc chiếu mà bỏ đi, chớ làm những việc khác!”. Sư lại hỏi: “Đánh chuông canh năm chưa?” đáp: “Chưa, còn thời gian ngắn nữa vị Duy na mới đánh chuông”. Trở lại xem thì Sư đã thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi. Các hàng môn nhân cầu học y theo lời Sư, đón rước đến Nam sơn, để lộ nhục thân Sư ở giữa chốn hoang vắng.

Có Bảo Cư sĩ tên là Từ thị, từ thưở trẻ đã trái tục, ưa thích thiên quán, sống không vợ con, thân chẳng trang sức, gần gũi Đức âm của Sư mà điều tâm dưỡng khí giữ nhàn, giữ gìn nghiệp thừa của Sư hơn năm mươi năm. Nay đã bảy mươi lăm tuổi.

3- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu:

Thích Phổ Minh, họ Vệ, người ở ấp An thuộc Bồ Châu. Năm mươi

ba tuổi, Sư xuất gia tôn thờ người anh bên ngoài, tức Pháp sư Đạo Tôn. Ngài Đạo Tôn ở Tấn Xuyên, đầy đủ như trong Biệt Truyện, lại đem Sư giao làm đệ tử của Sa-môn Đồng chân ở chùa Đình Hưng. Sư kháng chí trụ trì, lấy Đại pháp làm việc chính của mình. Tâm tánh thông minh, hiểu suốt đồng bạn, giảng và nghe theo nhau, không pháp nào chẳng học. Sư đến khắp các trường giảng, không có phòng ở riêng. Hẳn khiến siêng năng mà rất có công phu, kinh luận đầy khắp.

Năm mười tám tuổi, Sư giảng Kinh Thắng-man, Luận Khởi Tín, sớm vốn nghe danh biết Sư thành Đại khí. Từ khi tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học kinh Niết-bàn, Luật Tứ Phần, Luận Nhiếp Đại Thừa. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư giảng Kinh Niết-bàn, năm ba mươi tuổi, Sư giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Hễ có nói ra lời gì thì khách chủ đều tốt đẹp, khiến nghĩa mâu ban rải, mở lời truyền nói yếu chỉ, tiếng tăm lưu tỏa xa gần.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) mời Sư đến trụ chùa Đại Thiên Định. Sư ở đó suốt mười tám mùa hạ, tiếng tăm vang đến Thượng Ban, địa vị do công phu tu học, bốn thứ cúng dường đầy đủ mà chẳng thiếu nhị nghiêm.

Niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, ở quê cũ Sư vang vọng tiếng tăm, mọi người mừng vui Đạo hợp ấy, đem việc đó tấu trình lên vua, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) có ban sắc mời Sư đến trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu. Sư đứng đầu trong việc hoàng Đạo, chẳng màng nóng lạnh. Ban ngày thì giảng, ban đêm thì ngồi, nói nín đều y theo pháp. Tâm thần xán lạn ứng đối tợ mây mưa. Từng có những kinh chưa bao giờ nghe mà chỉ mở bày Sư xem như đã thuộc. Đó là do sớm đã tập học rộng nghe nên có khả năng như thế, chẳng thể so sánh được. Mỗi ngày Sư tự giữa mài giới bốn một biến, Kinh Kim Cương Bát-nhã hai mươi biến, sáu thời lễ sám. Các gốc lành có được đều hồi hướng về Tịnh Độ. Đến lúc qua đời vẫn thường như vậy. Sư khắc tạo tôn tượng bằng gỗ Đàn hương mấy mươi cái khám, viết chép Kinh Kim Cương Bát-nhã hơn ngàn bộ, thỉnh người khác đọc tụng hơn năm ngàn biến. Giảng Kinh Niết-bàn hơn tám mươi biến. Còn với các kinh luận như Niết-bàn, Thắng-man, Nhiếp Đại Thừa v.v... số biến khó ghi hết được.

Sư thị tịch tại chùa hiện ở, thọ tám sáu tuổi. Sư có đệ tử là Sa-môn Nghĩa Yêm là bậc giới hạnh thanh khiết trang nghiêm, khả năng thấy biết có thể lãnh ngộ, bèn đón rước đến an táng tại gò phía Đông Bồ Phán, đào huyệt mà tôn trí tại đó, lập bia bên cạnh.

4- Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu:

Thích Đàm Hiến, họ Trương, người ở xứ Thỉ Bình thuộc Kinh Triệu. Thuở thiếu thời, Sư kính thờ Luật sư Xương. Luật sư Xương họ Giả người ở xứ Ngu Hương, tịnh hạnh không tỳ vết, tinh thành nổi tiếng. Đất của chân tay đều là chỗ kính ngưỡng. Nơi miệng hang chỗ ngài (Luật sư Xương) vốn có ngôi Già-lam, nhân tên hang ấy mà đề bảng hiệu chùa gọi là chùa Tĩnh Lâm. Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu, Đạo tan nát, hoại nhân từ, Luật sư Xương đổi dời với thế tục, mà luật nghi không thiếu sót. Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy trị vì đất nước (581) mở mang pháp diên. Một trăm hai mươi vị tăng giòng họ Thích Khai mở đầu tiên thì Luật sư Xương ứng nằm trong số được chọn cử ấy. Và mỗi vị tăng riêng độ thêm một thị giả, nên ngài (Đàm Hiến) được dự phần vị ấy, đến trụ chùa Đại Hưng Thiện. Về sau, Luật Sư Xương nói trở về quê cũ, buồn thương chôn giấu Linh nghi, quật bởi trang nghiêm, một Đức Phật ra đời, rộng tu sửa Viện Vũ, mở mang kéo dài Điện Đường. Các hàng tăng tục kính thành bắt đầu mừng vui có nơi kính phụng. Điều khắc xây dựng chưa hoàn tất thì Luật sư Xương thị tịch. Người học đến số trăm, kính ngưỡng bùi ngùi tôn dung, cho rằng Pháp nghi tuy mất mà thần túc hiện vẫn còn, cầu thỉnh Sư tiếp tục công việc để tiện theo ý từ trước để lại. Sư bèn dời từ chùa Nhân Thọ mà đến xây dựng đó, nên được rường mái cao đẹp, chẳng mấy ngày mà thành tựu, hai chùa vây quanh bốn Bộ quy y. Châu Ty cho rằng hai chùa Nhân Thọ và Tĩnh Lâm đã thổi cơn gió từ. Còn chùa Bách Thê, Tịnh Độ chưa thấm nhuần cam lộ. Sư bèn chịu đến trông coi đảm nhiệm chùa Bách Thê. Nương theo chúng sinh bàn luận, lại đến ngôi vị ấy. Lưới Đế-thích từ đó bày, muôn mắt đều giở lên, nhân hợp mở chuyên mà thuyền trời hữu lậu, chúng bạn mở rộng, lớn nhỏ đều tốt đẹp.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) thời Tiền Đường. Sư bị bệnh nhẹ, tới sáng sớm ngày mười lăm, Sư bèn bảo: “Phải hướng về chùa Tĩnh Lâm”. Đến giờ mảo mới có mây móc khác thường. Sư thị tịch tại đỉnh núi phía Đông nam chùa Bách Thê. Đêm đó phát ra ánh sáng rực rỡ, hình dáng như cái lọng hoa, chiếu xa khắp bốn phương, mãi đến ba đêm. Trải qua một tuần thì nhục thân Sư bị các Tín Sĩ ở bên cạnh chùa Tĩnh Lâm thâm trộm về an táng tại đỉnh núi phía Nam chùa Tĩnh Lâm. Ban đầu chùa Bách Thê không biết, thấy ở đỉnh núi kia suốt hai đêm liên tục phát ra ánh sáng thần mới rõ được nguyên cớ, hai bên tranh giành với nhau suốt chín năm đến nay, nương châu qua

huyền phiền nhiễu chẳng dứt. Há chẳng phải Thông u suốt lý đưa đến Linh cảm ư? Từ sâu ân rộng, luyện kết các tình? Các đệ tử Sư khắc dựng bia minh trên đỉnh núi, dám thông cao cho nơi xa biết.

5- Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tân Châu:

Thích Vô Ngại, họ Trần. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (307 - 313) đời Tây Tấn. Nhân tại Trung Nguyên tán loạn nên tổ tiên Sư đi về hướng Nam dời đến ở Kiến nghiệp. Cha của Sư tên là Khoáng, làm Trưng Phiến học sĩ dưới thời vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552 - 555) thời Nam Lương. Niên hiệu Thừa Thánh thứ nhất (552) thời Nam Lương, Sư ra đời tại thành đô. Thần tư đặc biệt, biết là Tế Khí. Năm ba tuổi, Sư đã có khả năng ứng đối. Năm mười tuổi, đi học, hễ được nghe điều gì thì Sư chẳng quên. Vào Trường An, gặp được Pháp sư Đạo An dưới thời Diêu Tân. Ngài Đạo An nói chuyện, lấy làm lạ về ý đạt được của Sư, bèn khuyên bảo Sư xuất gia. Sư rất vui mừng y theo lời dạy. Ngài Đạo An bảo Sư đọc tụng Kinh “Thái Tử Thụy ứng”. Sư nghĩ tìm các Thánh tích mà buồn khóc không thôi.

Niên hiệu Thiên Hoà thứ ba (568) thời Bắc Chu, Hoàng Hậu của Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) vào triều nêu danh xuất gia, Sư được độ trước. Tuy mới hai mươi tuổi mà giới hạnh tiết tháo của Sư rất trang nghiêm. Đến niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Chu, Phật pháp bị phá hoại, theo duyên bị đắm chìm, như gặp bùn đất, tâm Sư càng như băng ngọc. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581 - 605) đời Tùy, Phật Pháp lại được phục hưng, Sư đến trụ chùa Vĩnh Minh chỗ Pháp sư Siêu, là bậc Đại đức dưới đời Tề nghe học Luận Đại Trí Độ. Chỉ một lần nghe qua giáo nghĩa mà Thần tư Sư phát sáng. Với các thứ của cải, ăn mặc thân tâm đều không vương mắc. Sư lại vào Trường An, học các kinh luận Thập Địa, A-tỳ-đàm v.v... Bấy giờ, Pháp sư Hư ở chùa Hưng Hoàng bảo Sư giảng Luận Đại Trí Độ, Sư phân tích rõ ràng, nghĩa lý không sót lấp. Nhưng đối với văn cú rất tẻ ngại cho việc mở thông. Nhân tụng đọc bốn văn được sáu mươi quyển, vì bị tâm bệnh nên Sư rời xa chúng ở đó, mà trở về Tân Lũng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Tổng Quản Hà Gian Vương đặt biệt trông coi chùa, thống ngự Di Pháp. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy. Sư lại được mời vào Lạc Dương, ở Tứ Phương Quán san định Phật Pháp. Sau đó, Sư về lại chùa Vĩnh Ninh, nương theo cương lý trước. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đi đánh dẹp phương Tây,

đích thân chịu mệt nhọc, hỏi thăm ban tặng Sư hai trăm xấp lụa. Niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, từ Châu Phá Sư vào kinh đô, trụ chùa Trang Nghiêm. Chúng vì vốn biết Sư đảm nhận chùa, các hàng Thức đạt cơ duyên, trở lại muốn thỉnh mời Sư, những việc đảm nhận không được tốt. Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư lại trở về chùa cũ, dùng Pháp Vô Tướng Quán để tự điều phục.

Đến ngày hai mươi tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư không bệnh gì mà qua đời, thọ chín mươi bốn tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương như chịu tang người thân.

6- Truyện ngài Thích Đạo Vương trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu.

Thích Đạo Vương, họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Từ thuở nhỏ, Sư đã tinh xác, có chí mong cầu, ưa thích học rộng. Với vết xưa của các vị tài giỏi, tâm nguyện Sư cũng muốn ngang bằng. Sư mang tráp sách đến Kim Lăng, trụ chùa Cao Tòa nghe giảng A-tỳ-đàm, tâm Sư khéo thấu đạt được mấu chốt nhưng chưa phải tốt lành. Sư tôn kính khuôn phép của Khuông Sơn để lại, thường vượt trước lời.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, nương theo Đại Tướng Quân Chu La-hầu, Sư đi xa đến Lô Nhạc, trụ tinh xá Đông Lâm, tâm nguyện ẩn dấu vết tích, không việc liên quan với đời. Ở chùa núi, Phật pháp bị che lấp, nên người khuyên dẫn chẳng phải một. Sư bèn chẳng chống cự mạng mà mở mang đạo pháp độ người, sửa sang tu tạo tăng phường quanh năm không ngừng nghỉ. Đến cuối đời Tùy, giặc giã quấy nhiễu, khắp Hoa Nhung đều tiến đến, Sư yên ủi vỗ về môn đồ như lúc ban đầu không thay đổi.

Đến tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Thân Sư thị hiện bị bệnh, chưa tròn mười ngày, bỗng nhiên có một ngôi sao lớn giữa trời rơi thẳng vào trong hồ nước lớn ở Tây Các, chiếu sáng hang núi hơn cả ngàn bó đuốc. Đến ngày hai mươi ba, đang lúc chúng tăng thọ trai bữa trưa, Sư hỏi đệ tử rằng: “Chúng tăng ăn xong chưa?” Đệ tử thưa đáp: “Chưa xong!” Sư lại bảo đến gọi vị Thượng tọa đến, vị ấy y theo lời đến nơi, Sư giao phó việc hậu sự rồi ngồi kiết già mà thị tịch. Các cửa của Điện các tự nhiên đồng một lúc mở hết, có mùi thơm lạ thoảng xông khắp chùa, bảy ngày sau mới hết. Sư thọ tám mươi hai tuổi.

7- *Truyện ngài Thích Pháp Hiển trụ chùa Tứ Tầng ở Kinh Châu:*

Thích Pháp Hiển, họ Đinh, người ở xứ Giang Lăng thuộc quận Nam. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia tại chùa Tứ Tầng, nương tựa Pháp sư Bảo Minh. Sư siêng năng thờ thầy nhiều năm, thưa hỏi yếu chỉ Kinh pháp. Có nghe “Ở cõi Dục là đất loạn vốn chẳng phải là duyên Đạo, đã sinh trong đời làm sao thoát lưới?” Ngài Bảo Minh bảo Sư rằng: “Chúng sinh đều có vị thiên Sơ địa, thời đến thì phát. Tuy hạt giống tâm ẩn tàng trải qua nhiều kiếp vẫn chẳng mất. Có Thiên sư Trí Khải là bậc Thiên Tông ở Kinh Sở, ông hãy đến đó cầu học!”

Gặp lúc vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy vời đến Hạ Hối, ngài Trí Khải về lại Thượng lưu, trụ chùa Tứ Tầng mở rộng cửa Thiên. Đồ chúng có đến bốn trăm vị nhóm họp rất đông đảo. Sư bèn nương tựa nơi pháp tòa nghe những điều chưa ngộ. Chỉ sớm có thành tuệ thông trùm vết huyền, chuông sừng vừa gõ đã truyền giá thu! Sau khi ngài Trí Khải đi rồi. Sư lại cầu học ở các Sa-môn Minh Trí, Thành Ngạn, Tập Hạo, v.v... đều thẳng đường phơi bày chỗ sâu kín, hết tư tưởng đẻo gọt giữa mài. Đến lúc sắp quan cụ quy y Pháp sư Tập Hạo. Ngài Tập Hạo dạy răn phương pháp xuất yếu, chỉ bày pháp hàng phục tâm. Nhân đó mà Sư trở về hang cốc tĩnh xứ nhàn cư. Ngoài hai cánh, Sư không nhận thọ, chứa để một vật. Gặp lúc lửa linh nêu cuối, lưới cỏ giặc lửa, đói kém lan tràn, chúng tăng chạy vạy khổ sở. Riêng mình Sư ở giữ đại điện, xác thực là trác tuyệt. Sáng sớm ăn rau uống nước, trưa chiều dứt bặt cả nước trái cây ép. Giặc từng vào lục soát tìm kiếm mà chẳng lấy được gì. Nếu chẳng phải đã vào từ thất đã lâu, đã rút được mũi tên độc thì làm sao có thể chịu được sự khó khổ ấy? Đẩy lùi hung oai ấy? Từ đó, Sư ở yên trong điện Mai Lương của ngài Đạo An hơn ba mươi năm.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, Sư mới ra ở phòng riêng. Đó là tìm chỗ dứt ganh ghét của Thiệu Cát, giẫm lên hạnh bí mật của Không Sinh. Trong nhà ấy có pho tượng Đức Di-lặc, quang phu cao bốn mươi thước, tám bộ vây quanh, do ngài Đạo An dựng lập nên. Các thứ mũ báu, hoa trướng, cúng cụ, Kinh Đài đều do ngài (Pháp Hiển) tạo dựng. Trong nhà có năm cây đèn cháy suốt ngày đêm không dứt. Bỗng nhiên có một cây đèn riêng cháy rực bốc ngọn lửa cao hơn cả trượng. Lại trong một đêm nọ có người mặc y phục năm màu bưng một cái bình vàng đến dâng cúng. Sư lại mộng thấy có một vị tăng oai dung khác thường đến bảo Sư nên đến kỳ châu, để diện kiến

Thiền sư Tín.” Sư y theo lời ấy, bèn đến song phong, càng lắng trong nước định, mà một đời Sư mắc bệnh đều tin là đó nghiệp gây ra ở quá khứ nên chịu đựng mà chẳng chữa trị. Ăn mặc tiết lượng, mềm thuận gượng ghi nhớ. Tại chùa Sư ở, hơn năm mươi năm, chẳng bước chân ra khỏi cửa.

Đến ngày mồng tám tháng mười hai Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Sư mộng thấy thân mình ngồi trên điện báu, truyền giới cho bốn chúng. Nhân đó, cảm thấy dần dần bị bệnh. Đến giờ Ngọ ngày mười một tháng giêng năm sau (653) Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Giờ Thân ngày trước đó, Sư còn đủ khả năng tự đi đứng, thân sắc sáng sạch, Sư ngồi xồm nơi bồn tắm tại giường dây để cạo tóc, xong rồi đến giường ngồi kiết già an nhiên cho đến lúc thị tịch. Qua ngày mười bảy tháng đó, bèn an táng tại gò phía bắc chùa Đại Minh.

Lúc Sư chưa thị tịch, các đệ tử trông thấy ở vách tường phía Tây, có ánh sáng màu trắng rực rỡ soi khắp cùng, ban đêm có mây trắng hiện bày ở hai phía Nam, bắc cửa nhà, có hai luồng xuyên suốt vào trong phòng, mọi phật sự đều dao động đến sáng sớm mới dứt. Từ lúc Sư thị tịch cho đến ngày an táng, vẫn an nhiên tư thế ngồi. Các hàng tăng tục khắp cả vùng đều kéo nhau đến lạnh lùng. Đô Đốc Tinh châu là Kỷ Vương là người sớm được truyền quy giới, kính ngưỡng đức hạnh của Sư, bảo Hữu ký Thất Quách Du lập Bia minh ở đó.

8- Truyện ngài Thích Huyền Sảng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu:

Thích Huyền Sảng, họ Lưu, người ở xứ Nam Dương. Sớm tu hạnh thông minh, được khen ngợi trong xóm ấp. Năm hai mươi tuổi Sư cưới vợ. Vợ Sư tuy nhỏ mà xinh đẹp, xong Sư thành thực trắng trong, ý chí cao xa, xem như đay da, tâm càng nhàm chán. Đã không phải sự tình cờ, Sư bèn bỏ mà vào Đạo. Đến tu học ở các nơi giảng Đạo. Giáo Nghĩa Hữu Không Sư đều trải qua. Cuối cùng Sư nghe Pháp sư Tuyên ở chùa Long Tuyên giảng pháp mà vui mừng tự được. Nghĩ đến việc đi xa, rất được người đương thời khen ngợi. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tín ở Kỳ Châu, xin khai mở Đạo, chóng phát u vi. Sau, Sư về lại quê cũ chỉ còn nhiếp niệm. Ngồi thẳng chẳng nằm, buộc niệm ở trước. Bảy giờ, tại Bồn ấp có các Sa-môn Ái Minh, Lăng Pháp, v.v... đều là những bậc danh tông chốn Thiền Phủ đến kết gieo phần. Đến ngày mồng chín tháng mười niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại hang Thần Sơn.

Bảy giờ, tại Tương Châu, có Sa-môn Tuệ Phổ ở chùa Pháp Môn,

cũng là vị tăng tài giỏi ở Hán Âm, tinh nghiêm luật tạng hơn hai mươi năm. Nương tựa mà chấn động, gió sương thường kết, bảy chúng đều trang nghiêm, khắp thành đều quy hướng. Về sau, Sư chuyên nhập Định môn, cõi mở tiêu tan các phiền não. Kỷ Vương trấn nhậm, cùng sửa sang chùa Truy Thánh bị phá hủy, giềng mỗi phải có người. Mọi người đều đề cử Sư, Kỷ Vương rất tán thưởng. Lại có người tục ở đất Sở tin theo đồng cốt, giết hại làm Dâm tử. Nhân đó Sư chuyển hóa sửa dần giúp nhà sùng nhân. Lại sửa sang Đạo tràng Minh nhân, tất cả có ba mươi cơ sở, đều giỏi về luân hoán, bèn chạm trở vàng ngọc mà trang sức. Đến niên hiệu Hiến Khánh thứ ba (658) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi tuổi.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu:

Thích Tuệ Tiên, họ Triệu, người ở xứ Bồ Phấn thuộc Hà Đông. Từ thuở nhỏ, Sư đã có chí muốn xuất tục, nhưng vì duyên cũ dắm giữ. Đến năm bốn mươi tuổi Sư mới mãn nguyện trước.

Sau khi xuất gia, Sư tùy phương hỏi bến. Tuy đã trải lắm nhiều, nhưng Sư chỉ giữ lấy hai Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Niết-bàn cho là Cực Giáo từ đầu đến cuối. Mãi đến lúc tuổi già Sư nhuần thấm pháp vị càng sâu, từng bảo với mọi người rằng: “Hai kinh báu ấy toàn là châu ngọc Như ý. Không thể chợt quên mà tạm xả bỏ!”. Do đó Sư mang quyển kinh theo bên mình như chim có hai cánh. Hoặc có khi nói năng, giảng rộng. Sư trụ chỗ xung yếu, chín ngã thông suốt đều nhóm họp, trăm bệnh cùng đến, muôn họa đều cậy nhờ cứu giúp. Nhưng Sư có từ thiện, chẳng gá cây nhiều phước, chỉ dạy bảo xưng niệm danh hiệu Phật, không đến thì chẳng giúp. Do đó mà đội ân che chở, xa gần đều hướng về.

Tại chùa Cứu Khổ có một pho tượng lớn cao hơn mười trượng, bởi năm tháng đã quá lâu nên bụi bặm bám nhiều, xà nhà rơi đổ, lọng che rách nát. Sư bèn bảo các hàng sĩ tục cùng xây dựng lại. Tuy sao ngâm tinh luật, đại tạo mà thành tựu. Từ đó về sau, tuổi dần đến già. Sư mộng thấy có một vị tăng đến bảo Sư rằng: “Mùa Đông năm sau, ông sẽ qua đời, hãy sớm vận hành sẽ được kéo dài kỳ hạn.” Sư vẫn theo Đạo Nghiệp thường, chẳng lấy gì làm lo toan. Đến giữa tháng ba, Sư cảm thấy trong mình không được khỏe, tự biết sự ra đi đã đến gần, bèn bảo với thị giả rằng: “Tôi xuất gia đã từng ấy năm, từng thọ giới Bồ-tát, nay đây lại muốn nghe thọ!” Đi gọi mời các vị Đại đức, đều chẳng ai đến. Sư bảo: “ Các Đại đức chỉ tự điều phục, làm sao gọi là

Độ người?” Sư lại bảo: “Hãy lấy giới bốn.” Đọc tụng xong, Sư tự vui mừng, sau đó lặng yên. Đêm đó có trời tiên khác lạ, sao bày trước sau, bàn cao nói rộng, chợt ẩn chợt hiện. Cả chùa mọi người đều thấy nghe. Hoặc có người thấy tôn tượng Phật đi lại chỗ phòng Sư. Đến giờ ngộ ngày hôm sau, bỗng nhiên Sư ngồi dậy, gọi mọi người bảo rằng: “Đại hạn tuy nhiều, nhưng Tiểu kỳ chỉ trong một niệm, các ông hãy khéo an trụ. Xin nguyện cùng các chúng làm nhân duyên nhiều kiếp!” Nói xong, Sư nằm xuống, an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười bảy tháng mười một niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) thời Tiên Đường. Các hàng đạo tục buồn thương, mây giăng bủa khắp cả đồng trống, gò hoang.

Trong chùa có Thiên sư Tuyên là bậc Dĩnh thoát ở đương thời, có tiếng tăm khắp Kinh Lạc. Hành trì hạnh Phật Di-lặc, nguyện sinh lên tầng trời thứ tư, thấy hạnh nghiệp cảm chứng của Sư mà bảo với chúng rằng: “Chắc chắn sẽ gặp Đức Từ Thị, nếu không được như vậy thì đâu thể ứng hiện điềm lành như thế?”

10- Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu:

Thích Tuệ Khoan, họ Dương, người xứ Hiếu Thủy ở Miên Trúc, thuộc Ích Châu. Cha của Sư tên là Vĩ, vốn là Tam Đổng tiên sinh, Ngũ Kinh Bác Sĩ, kính tin Đạo Pháp (Lão Giáo) không tin Thích giáo. Do đó các hàng tục nhân ở cả ba Châu: Miên, Tử, Ích mỗi năm đưa gạo tô đến nhà Vĩ, khiến cho trong một năm được an ổn tốt lành. Và Vĩ đều trao cho Họ Chương Phù mà về, thế nên xe ngựa đầy cửa đông đảo như chợ.

Mới đầu, vợ của Vĩ mang thai, tâm tánh tự nhiên đổi khác, đối với các thứ tanh nồng đều chán ghét, bèn sinh ra một người con gái, đặt tên là “Tín Tướng”, tánh thích nhàn tĩnh, không duyên tham muốn. Sau lại mang thai. Trong thân rất an ổn, thường có tướng khác lạ. Đến lúc sinh, người mẹ không hay biết, bỗng nhiên tự ra, không lộ bày dơ xấu, lại có mùi thơm lạ, lại chẳng kêu khóc. Mãi đến lúc có sự nhận biết, cũng không hề trầy phấn ướm ra chiếu giường, đến lúc cha mẹ bỗng bế mới tiện lợi. Đó là khoan thân của Sư. Tay Sư dài quá gối, tánh thường ưa thích sạch thơm, không đến gần nơi máu huyết tanh hôi.

Năm khoảng năm, sáu tuổi, Sư cùng chị là Tín Tướng đến chỗ vắng vẻ mà ngồi thiền. Cha mẹ lấy làm lạ hỏi, Sư đáp: “Phật đến giảng nói cho nghe các Pháp môn Bát-nhã, Thánh Trí, Giới, Nhập v.v...” Sư cùng chị bình luận Pháp tướng, cha của Sư cho là dị đạo, chẳng hiểu

lời ấy, nương theo miệng Sư nói mà ghi chép được hơn hai trăm trang giấy. Có Pháp sư Hội ở chùa Long Hoài nghe có tướng kỳ đặc nên đến chỗ đó. Cha của Sư bèn đem đưa cho xem. Pháp sư Hội bảo: “Điều hợp với kinh Phật, không có chỗ nào sai lầm!” Lại có một vị Thiền sư lạ, không biết từ đâu đến, ở chùa Tịnh Tuệ, nhập Tam-muội Hỏa Quang. Gọi người nữ ấy (chị của Sư) đến. Khi đến chẳng vào, lại nói là: “Có đồng lửa” Thiền sư bảo: “Sao không dùng nước dập tắt?” Chị Sư liền thực hành Thủy quán, dập tắt lửa mà vào. Thiền sư ấy nghiệm biết cô gái đã vào sâu các pháp định bèn khuyên nên xuất gia. Cha mẹ cô đã nhận sinh lễ, bên nhà trai chẳng chịu. Nên các hàng tăng tục, Quan nhân xuất ra của cải để chuộc. Nhân có lần độ, mà chị Sư và Sư đồng một lúc xuất gia.

Bấy giờ, Thục Vương Tú ở Ích Châu thỉnh cô vào nội thành. Các hàng phi thứ vì xây dựng tinh xá, thường hay cúng dường. Từng đi ra ngoài đường, có người nghi ngờ, tín Tướng gọi lại bảo rằng: “Chớ đối với Tam Bảo mà khởi sinh Dị Tâm mà tự phải chịu lấy tội khổ!” Người ấy liền sám hối lỗi lầm. Có lần tạo công đức cần đến tài vật, Tín Tướng đốt hương cầu thỉnh, đào đất có được vàng, không thứ gì chẳng đầy đủ. Những việc như thế, chẳng phải một. Còn việc ăn uống, muốn ăn bèn có thức ăn. Không ăn có thể trải qua suốt cả năm. Nên mọi người đương thời đều gọi Tín Tướng là Thánh Ni. Và mãi đến nay chùa Tín Tướng vẫn còn gọi là chùa Thánh Ni.

Còn Sư (Tuệ Khoan) năm mới mười ba tuổi mà thường thích ngồi một mình, mặt không hề tỏ vẻ buồn giận, nói năng luôn nhường nhịn. Sư nương tựa Thiền sư Dận ở chùa Không Tuệ và A-xà-lê Hội ở chùa Long Hoài. Hễ nghe giảng kinh luật, chỉ một lần xem qua thì không quên sót. Với các kinh chưa được nghe, chưa từng biết nghĩa mà có người nạn hỏi thì liền giải thích thông suốt. Mới đầu đến chùa Long Hoài, Pháp sư Hội có đồ chúng hơn hai trăm người, đều sai bảo làm việc, chỉ trừ riêng mình Sư ra. Có người oán trách, Pháp sư Hội bảo: “Người ấy (Tuệ Khoan) là Bổn sư của tôi, làm sao tôi dám sai bảo làm việc! Xưa kia, dưới thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, tôi nương tựa Thiền sư Tướng, ẩn cư tại Nam Sơn. Đến đời Tùy phục hưng Phật Giáo, già từ thầy, tôi trở về đất Thục và có nhận lời thầy căn dặn tôi rằng: “Ông về lại đất Thục, đồ chúng rất đông, trong đó có một người tên là Tuệ Khoan, ông hãy che chở người ấy!”. tôi nhớ lại việc ấy, và tính ngày thầy tôi thị tịch đúng lúc Tuệ Khoan ra đời, vì thế không được lấy làm lạ!”. Từ đó Sư ở núi nương tu Nghiệp Định.

Năm ba mươi tuổi, Sư trở về giáo, hóa xứ Miên Trúc. Mọi người khắp nơi xa nghe tên thấy mặt, đều bỏ tà về chánh. Gia tộc Sư vốn tin theo Đạo giáo, cha mẹ Sư đều theo Đạo giáo mà quy hướng Phật giáo, xả thí vườn nhà để làm chùa, điện đường viện vũ có hơn trăm cơ sở, tu tạo mãi đến ngày nay. Mỗi năm thường thiết lập trai hội lớn, các hàng Đạo tục đều nhóm họp. Tháng giêng tiết tốt các chùa ở thành đô và trong bảy mươi huyện đều đua nhau đón rước cúng dường. Có các công đức lớn cần được tu tạo, thì chỉ cần thỉnh Sư đến tức mọi vật cúng thí chất đầy như núi.

Vào niên hiệu Trinh quán (627 - 650) thời Tiền Đường, có vị Sa-môn tên Sách, là người trì chú rất có linh nghiệm, ở tại huyện Lạc, bỗng bị chết đi, thần thức diện kiến Diêm Vương. Diêm Vương bảo “Ở trong địa ngục rất nhiều người tội, ông nên trì tụng thần chú cho họ, và thỉnh Pháp sư Tuệ Khoan giảng Kinh Địa ngục”. Sau đó được sống lại, trải qua một tháng mà Sa-môn Sách chẳng thực hành việc đó. Lại bị chết giấc, Diêm Vương rất tức giận bảo kẻ sứ đầu trâu đánh Đồng tử trăm hạ. Quát mắng: “Ta bảo tụng chú giảng kinh vì các chúng sinh vì sao chẳng làm?” Sa-môn Sách tỉnh lại, liền men theo đường từ Lạc huyện đến Miên Trúc dài ba mươi dặm, chưa đến nơi, vì mệt nên nằm vật xuống. Bỗng nhiên có cơn gió xoáy lạ thổi đến, chỉ trong chốc lát đã đến chỗ Ngài (Tuệ Khoan). Ngay trong lúc Đại chúng đang nhóm họp tụng kinh. Ngài bảo Sa-môn Sách rằng: “Chỗ ở hôm qua rất khổ sở, vì các chúng sinh, không được từ khổ!”. Và liền bảo Sa-môn Sách lên tòa trì tụng thần chú. Đại chúng lắng nghe đều toát mồ hôi. Ngài bèn nhóm họp Đại chúng giảng Kinh Địa ngục.

Vào Trinh Quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, ở Miên Trúc, có Tống Úy nói rằng: “Ta chẳng tin Phật, chỉ tin Chu, Khổng, nhưng ta có hai lần được Phật lực: một là người đang ở bên cạnh cửa tiểu tiện, để tượng Phật bèn ngưng, hai là đang mùa đông rơi băng, đốt Phật gỗ để sưởi ấm”. Sư nghe vậy liền gửi thư khuyên dụ. Tống úy bảo: “Đạo nhân này nêu việc lạ, phải thử xem có kinh nghiệm chăng?” Lấy giấy chỗ có viết tên để chùi khi đại tiện, ngay lúc ấy hậu môn bị nứt ra, chân đứng dậy không được, tự kêu gào “ta chết mất!”. Và liền thỉnh Sư đến. Tuy sám hối lỗi lầm, tu tạo kinh tượng, nhưng một tháng mới hết.

Tại huyện Thập Phương có nhà họ Trần bỏ tà về chánh, dùng vườn trúc làm chùa. Sư chỉ trao giới hạn, người ấy hứa có thể làm Tăng Viện, trong đó một phần có thể xây Phật đường. Sư liền chặt một cây trúc dựng nêu và nói: “Chỗ giới hạn này sẽ xây chùa Phật”. Bấy giờ,

cây trúc đang sống mà tự khô. Phật dường chặt trúc, nước suối vọt lên, sau đó đào sâu xuống mấy thước có một tảng đá lớn, phía dưới tảng đá có chiếc bình vàng đựng bảy viên Xá-lợi. Sư lễ bái và thỉnh lên, bèn phát ra ánh sáng đầy khắp tất cả. Mọi người ở khắp nơi xa lại nhóm họp đến chùa. Đến nay chùa vẫn hiện còn.

Đến ngày hai mươi lăm tháng sáu niên hiệu Vĩnh Huy thứ tư (653) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Tuệ, thọ bảy mươi tuổi. Lúc Sư chưa tịch khoảng một tháng, có năm trăm vị thần thân hình cao hơn một trượng mặc y phục cõi trời, cầm hương hoa và đài hoa vàng tía từ phía Tây đến đón rước mà Sư từ chối không chịu, bảo hãy đi đi. Lại ngay trong ngày Sư sắp thị tịch, có con dê được thả từ chợ, chạy thẳng đến phòng Sư buồn kêu mấy mươi tiếng. Đến tối, Sư đòi lấy nước tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già tay bưng lò hương rồi bảo đánh chuông vô thường. Tiếng chuông ngân vang khắp cả thành quách. Mọi người đều nhóm họp nói với nhau rằng: “Xà-lê nhập Niết-bàn!”, giữa hư không có tiếng gào khóc. Bên trong chùa phát ra ánh sáng không biết từ đâu đến, các Đạo sĩ v.v... cho là chùa bị cháy, kinh hãi chạy đến chùa mới biết không phải. Từ đó, Sư nhập định, hơi thở dứt hết mới biết là đã thật sự thị tịch. Trong chùa có ba chiếc cầu, có một chiếc thẳng đến phòng Sư ở, đêm đó cầu gãy tiếng vang đến tận trong chùa. Sáng hôm sau, quan dân Đạo Sĩ đều đến khóc thương. Ao sen trong chùa, nước ao bỗng nhiên khô cạn, sen hồng biến thành màu trắng. Trong chùa có cây Dự chương lớn ba, bốn người ôm mới hết bỗng nhiên chảy máu, máu chảy vào khe, nước khe biến thành màu đỏ, hơn một tháng sau mới hết. Lại có ngôi tháp gạch cao mấy mươi trượng có mười bảy tầng bị nứt đến vài tấc. Lại có hai con ngỗng không biết từ đâu đến hướng về linh nghi kêu buồn nằm dưới đất chẳng chịu đi, lúc an táng theo đưa, ra khỏi thành liền biến mất. An táng đến núi Vô vi, cách chùa khoảng hai mươi dặm mây đen vây bủa giữa hư không, hễ đi đến đâu thì mưa đến đó, cỏ cây cũng lướt theo đến núi mới tan. Sau khi an táng, các hàng tăng tục trong huyện từ bảy tuổi trở lên đều mặc tang phục khóc thương, như vậy suốt ba năm. Từ đó đến nay, hễ nhà nào thiết lập trai hội đều bày hai tòa, trong đó một là dành cho Thánh tăng và một là dành cho Sư. Đến nay vẫn còn được dâng cúng đưa đến Bản tự. Linh tượng Sư vẫn an nhiên ngồi thẳng tại núi như lúc còn sống.

Từ lúc đầu đến nay nhục thân Sư không hề bị trùng huyết làm ô uế rõ mục các tướng. Đó nếu chẳng phải thân Bồ-tát Bất thối không có muôn hộ trùng thì làm sao có thể được như vậy ư?

11- Truyện ngài Thích Tăng Luân ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu:

Thích Tăng Luân, họ Lã, người ở đất cấp thuộc Vệ Châu. Ông nội Sư tên Tông, làm Thứ Sử Gia Châu. Cha của Sư tên Tuân, làm thái thú Lục Lăng ở đầu đời Tùy (581). Ban đầu khi chưa mang thai Sư, cha mẹ ngồi đối diện nhau, bỗng nhiên có vị Phạm tăng mặt mày quắc thước, tóc bạc, có hai người hầu cầm phướn theo hai bên nói rằng: “Xin được làm mẹ con!” chưa biết thế nào, liền lễ bái và biến mất. Nhân đó mà mang thai. Đến sau canh tư ngày mồng tám tháng bốn thì sinh ra Sư. Lại thấy có hai cây phướn dựng hai bên, và có mùi thơm lạ. Khi sinh xong thì biến mất.

Từ khi Sư năm tuổi về sau cho đến lúc qua đời, thường chính mắt thấy có ánh sáng màu trắng khắp phòng. Niên hiệu Võ Bình thứ chín (578) thời Bắc Tề, Sư cùng cha đến chỗ Sa-môn Hiền Thống và Thiền sư Mân xin thọ pháp xuất gia. Lúc ấy, Sư vừa chín tuổi. Hai ngài hỏi về tướng trạng, cha Sư đáp bằng cách nói về ánh sáng màu trắng lưu nơi vẻ mặt và hai cây phướn dựng gần đó. Hai Ngài khen ngợi rằng: “Người này thật đáng độ!”. Nhân đó mà cho xuống tóc. Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu đánh chiếm Bắc Tề. Lúc đó Sư vừa mười sáu tuổi, cùng các ngài Hiền Thống, v.v... lưu lạc Đông Tây. Sư chăm lo học pháp quán bốn niệm xứ và đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy mới phục hưng Phật pháp, Sư về lại chùa Vân Môn thọ giới cụ túc. Lúc ấy Sư hai mươi ba tuổi. Sư lại đến chỗ Luật sư Lý ở Võ Dương nghe học, mới ở được nửa mùa Hạ, thấy ánh sáng năm màu như bánh xe chiếu trên tim Sư. Cả chúng đều trông thấy. Liền ở trong ánh sáng ấy đánh lễ năm mươi ba Đức Phật, ánh sáng ấy vẫn chưa tắt, lại đánh lễ ba mươi lăm Đức Phật, ánh sáng ấy mới dần tiêu ẩn. Sư lại cùng hai Sa-môn Phương và nguyện vào các núi Hắc Sơn, Thái Hành, hành trì hạnh A-lan-nhã hơn hai mươi năm.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, giặc giã dấy động, Sư dẫn môn nhân đến trụ chùa Long Thiện ở Vệ Châu. Được Ngụy Hạ Đức Kiến Đức, Tề Thiện Hành v.v... thỉnh trông coi việc chúng Tăng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, đại thống Thiên hạ, Sư lại vào núi Thái Hành, Bảo Độc, giảng dạy đồ chúng học pháp niệm xứ. Do đó, mọi người khắp bốn phương từ xa mang rương tráp kéo đến, đường núi biến trở thành lối đi. Niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường. Thứ sử Vệ Châu là Bùi Vạn Khoảnh cùng các Quan

nhân thỉnh Sư xuống núi, thường ngày thọ giới, có lợi ích rất lớn.

Đến canh tư ngày mười ba tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Sư bảo môn nhân rằng: “Trong đêm dài, đối với các pháp, ta đạt được giải thoát, nghĩa là thành Vô Học, chẳng phải là các Thiên Đế v.v... đến đón rước!”. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi. Tiễn đưa đến an táng ở núi, mọi người khóc thương không thôi. Khi ấy, trời rất trong sáng, không mây mà tự nhiên có cơn mưa nhỏ. Mọi người đều lấy làm lạ.

12- Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở Kinh Đô:

Thích Tĩnh Chi, họ Triệu, người ở xứ Cao Lăng thuộc Ung Châu. Cha mẹ Sư làm lành mà không có con nối dõi, cầu cúng khắp cùng nhưng không kết quả. Bèn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chỉ mới trong tuần bèn có thai Sư, khiến cho người mẹ chán ghét dục nhiễm, dứt bặt các thức ăn có mùi vị tanh nồng. Sau khi sinh Sư, năm bảy, tám tuổi, Sư ưa thích quán Đức Phật A-di-đà, nương văn mà tu học, tùy quán pháp đều thành. Thực hành thấy cảnh đẹp, cốt quán sáng sạch. Tánh thích xuất gia, nhưng vì Sư là con một nên cha mẹ chẳng cho phép. Sư theo cha đến ở đất Thục, không bao lâu, cha Sư qua đời, ý Sư muốn tự thiêu thân để báo ân đức của cha. Có vị Hiền nhân dẫn Kinh Kim Cương mà bảo Sư rằng: “Xả bỏ thân mạng chẳng bằng tụng kinh”. Sư bèn hồi tâm xuống tóc xuất gia để tỏ bày báo đáp ân đức cha mẹ....

Khi đã vào pháp môn, Sư càng chí thành mạnh mẽ, kinh luật nào cũng nghe nhưng ý thường trụ trong Định môn. Sau, Sư theo Thiền sư Giang tập học pháp Quán. Oai dung Sư đoan chánh thanh nhã, khiến người trông thấy liền phát đạo tâm.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đến ẩn cư tại chùa Quang Hóa núi Bàn Môn ở Giang Đạo thuộc Ích Châu. Suốt hơn 10 năm thường ngồi nơi am tranh, chẳng ở trong tăng phòng. Mọi người khắp bốn phương nhóm họp có hơn hai trăm vị, mỗi ngày sáu thời tu tập, ba nghiệp chẳng trái với thời gian. Sư một mình vào ẩn sâu trong núi Linh Nham, tình cờ gặp một con trùng rất lớn nhưng chẳng hề quấy nhiễu. Có Thiền sư Đạo ở Lợi Châu vốn kết bạn thâm giao đã lâu thỉnh Sư vào ở núi, Cùng Phục thuộc phía Bắc Kiếm Các. Đồ chúng đồng bạn có hơn mười người, mang theo bốn thạch gạo, nhưng vừa đến lúc mãn Hạ thì ăn chưa hết một thạch. Có thời gian ngắn trong lỗ mũi Sư mắc chứng bệnh có cục thịt nổi lồi làm nghẽn bít, chữa trị đủ mọi cách mà không hiệu nghiệm. Có vị tăng bảo Sư tụng Kinh Bát-nhã Đa Tâm

mười ngàn biển. Sư vừa tụng đến năm ngàn biển thì cục thịch ấy tự nhiên rơi rụng. Sư đi đến Tần Châu, bị rắn độc cắn, đau nhức khổ sở chẳng thể nói. Sư bèn vận dụng sức Quán hạnh tự nhiên thấy được cảnh lành mà hết đau nhức. Sau, Sư mắc phải bệnh khổ, cũng lại y như trước mà được lành. Sư bèn soạn bộ “Chư Gia Quán Môn” gồm một quyển, vô cùng cốt yếu tinh túy, nên các hàng hậu học rất quý trọng.

Niên hiệu Hiển Khánh thứ ba (658) Sư được mời đến chùa Tây Minh, lập riêng Thiền phủ. Chùa cũ ở Lợi Châu có cây quế bỗng nhiên điều tàn, cây Hồ Đào tự nhiên gãy đổ. Điện Phật vô cố tự nhiên xoay mặt hướng bắc nghiêng xuống đất, nhưng tôn nghi không tổn hại gì. Đó cũng là do đức hạnh cảm động đến u linh nên mới khiến như vậy.

Đến ngày hai mươi bảy tháng ba niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (660) thời Tiền Đường, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch tại chùa Tây Minh, thọ năm mươi bảy tuổi.

13- Truyện ngài Thích Trí Nham ở Đôn Dương:

Thích Trí Nham, họ Hoa, người ở xứ Khúc A thuộc Đôn Dương. Đang ở độ tuổi búi tóc mà Sư nói với mọi người rằng: “Thế gian chỉ đua tranh mọi việc trước mắt, đâu biết khoảnh khắc tử sinh!”. Mọi người trong xóm đều lấy làm lạ, biết Sư có độ lượng sâu xa.

Đến tuổi hai mươi, Sư có được sự oai hùng võ lược, trí dũng vượt hơn người. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (627) đời Tùy, giặc giã đấu loạn lan tràn. Đại tướng Quân Hoàng Quốc Công Trương Trần Châu nghe tiếng tăm tiết tháo ấy mà co tay chịu làm quân lính, tấu trình ban sắc cho Sư làm Hồ Bôn Trung Lang Tướng. Tuy thân làm chức Quân soái, nhưng Sư luôn nghĩ về mở mang lòng từ, thường ở đầu cung có đeo dây lọc nước. Đi đến ở chỗ nào đều lọc nước dưỡng trùng, lấy đó làm việc thường. Đến lúc Ngụy Trịnh đến ở Đông Đô. Hoàng Công Cung đi chinh phạt đánh trận, đấu tướng ứng mộ rất nhiều. Hoàng Công bảo: “Nếu chẳng là Hoa Lang tướng thì không bị phế ngự”. Ngụy Trịnh Đại tướng người ngựa đều toàn vẹn, dè dặt cương dương roi nắm lấy cây thương đâm xuống đất, với tiếng dữ dằn bảo rằng: “Nếu có khả năng nhổ lên được mới cùng nhau quyết đấu”. Khi đó, Sư cưỡi ngựa từ từ đi lại dùng nách xóc lấy cây thương mà đi, kể đến Sư đưa cây thương cắm xuống đất. Ngụy Trịnh đến lay vài ba phen chẳng nhúc nhích mới chịu xuống ngựa, giao mũi nhận, bèn chịu bắt sống. Sư trở ngược cây dao dí vào cổ Ngụy Trịnh và bảo: “Tôi thề chẳng dứt mạng người, nên nay ban thí cho cổ ông!” và bèn thả đi.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Sư theo về Hoài Hải ở Nam Định thuộc Trấn Châu. Lúc đó Sư đã bốn mươi tuổi, tự xét nghĩ “Vinh quang chỉ tựa như mây nổi!” Bèn bỏ vào núi Hoàn Công ở Thư châu, theo Thiên sư Bảo Nguyệt xin xuất gia nhập Đạo. Hoàng Công quyền luyện tìm đến. Sư bảo: “đem thân thừa hỏi đạo, thể đến Tát vân. Xin nguyện tha thứ, chớ quấy nhiễu nhau!” Sư đã đến chốn núi chằm sâu xa, dựng lập Lan-nhã để ở, các loài cọp sói thay nhau hoành hành, Sư răn dạy thuần quen không sợ. Bỗng nhiên thấy có một vị tăng lạ thân cao hơn trượng, dáng dấp thanh nhã, nói năng trong sáng, đến bảo Sư rằng: “Ông đã tám mươi tuổi, một đời xuất gia nên phải gia công tinh tấn!” nói xong, liền biến mất. Sư được sự dạy răn trong cõi thần minh ấy, càng cố gắng sớm hôm. Tất cả mọi sự ở thế gian đối với Sư đều như Huyền mộng. Có một lần Sư ngồi thiền trong hang, nước từ núi cao tuôn đổ dâng đầy như muốn chìm phủ, mà Sư vẫn an nhiên ngồi sừng sững, không thối lùi. Có người đi săn, hỏi Sư: “Thân mạng rất quý trọng, vì sao không tránh?” Sư đáp: “Tôi vốn vô sinh, cần gì phải trốn lánh sự chết? Người đi săn ấy tỏ ngộ, nên các vật săn bắt được đều phóng sinh cả. Do đó, trong núi các loài chim bay thú chạy đều đến nương tựa nơi Sư.

Xưa kia, đang còn trong quân lính, có thứ sử Mục Châu là Nghiêm Soạn, thứ sử Cù Châu là Trương Xước, thứ sử Ly Châu là Lư Khâu Dận, thứ sử Oai Châu là Lý Tuân, nghe Sư xuất gia ở núi tu Đạo bèn cùng nhau tìm đến, trông thấy sườn núi cao sừng sững, chim thú kêu hót, bèn nói với Sư rằng: “Lang Tướng điên rồi ư? Vì sao ở chốn này?” Sư đáp: “Ta điên mà muốn tỉnh, còn các ông điên đang bộc phát, chẳng nhờ đâu cứu được! Nếu các ông chẳng điên, cơ sao cứ tìm đuổi tiếng tăm đã có quy độ Vinh vị, còn như trong sáng đều không thương lượng. Một mai sự chết kéo đến, mịt mờ biết tính sao? Sự không giác ngộ đó chẳng phải điên là gì? Chỉ có Phật mới không điên, tự bỏ thứ lớp.”

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư trở về Kiến Nghiệp, tựa núi dựng lập am tranh để ở. Tánh độ vẫn quả quyết, chẳng bị hình hài làm khổ lụy. Ra ở tùy cơ thỉnh pháp, Tăng chúng có hơn trăm vị, ngay chỗ ban thí hoàng hóa, phần nhiều Sư lấy việc hiện tại làm trách nhiệm, xét hạnh rốt ráo đến tâm đều thông khắp. Nên người đời nghe đến đều nổi ốc khắp mình và rơi lệ. Sư thường ở tại núi Bạch Mã. Sau, Sư lại đến thành Thạch Đầu ở phường người mắc bệnh hủi, giảng pháp cho mọi người ở đó nghe. Mút máu mũi tẩy rửa, không việc gì Sư chẳng làm.

Đến ngày hai mươi bảy tháng hai niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ bệnh hủi, nhan sắc không biến đổi, co duỗi vẫn như thường, trong phòng có mùi thơm lạ, lan tỏa hơn cả tuần. Sư thọ bảy mươi tám tuổi.

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN
Quyển 25 (21 A) hết